

Số: 33 /TB-UBND

Hòa Lợi, ngày 19 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc công khai danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần và dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến

Căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến,

Ủy ban nhân dân phường Hòa Lợi thông báo đến toàn thể nhân dân trên địa bàn phường về danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần và dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến, cụ thể như sau:

- Thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình: gồm 31 thủ tục hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần: gồm 86 thủ tục hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến: gồm 29 thủ tục hành chính.

(Kèm theo Danh mục thủ tục hành chính)

Ủy ban nhân dân phường Hòa Lợi đã tiến hành niêm yết danh mục thủ tục hành chính tại Bảng niêm yết của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả phường, đồng thời niêm yết tại Văn phòng 05 khu phố.

Trên đây là Thông báo về việc công khai danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần và dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến của Ủy ban nhân dân phường Hòa Lợi. /

Nơi nhận:

- TT. Đảng ủy; TT. HĐND phường;
- CT, các PCT. UBND phường;
- UBMTTQVN phường;
- Niêm yết tại Bộ phận Một cửa phường;
- Niêm yết tại Văn phòng 05 khu phố;
- Trang Thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT



CHỦ TỊCH

Lê Sỹ Thọ



STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mã TTHC trên Cổng DVCQG
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH			
1	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	Dân số - Sức khỏe sinh sản	2.001088
	Tổng: 01 TTHC		



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH,
MỘT PHÂN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

*(Kèm theo Thông báo số 33 /TB-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân phường)*

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mã TTHC trên Cổng DVCQG
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN			
1	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	Văn hóa	1.000954
2	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Văn hóa	1.003622
3	Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	Văn hóa	1.001120
4	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	Thư viện	1.008901
5	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	Thư viện	1.008902
6	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	Thư viện	1.008903
7	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Thể dục thể thao	2.000794
8	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã)	Gia đình	1.012084
9	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc	Gia đình	1.012085
	Tổng: 09 TTHC		

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH,
MỘT PHẦN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

(Kèm theo Thông báo số 33 /TB-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân phường)

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mã TTHC trên Cổng DVCQG
A. DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH			
1	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Phổ biến giáo dục pháp luật	2.000333
2	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật	2.002080
3	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Phổ biến giáo dục pháp luật	2.001457
4	Miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật	Phổ biến giáo dục pháp luật	2.001449
5	Xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	2.002516
6	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	Hộ tịch	2.000635
7	Cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực	2.000908
8	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực	2.000942
	Tổng: 08 TTHC		
B. DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN			
1	Đăng ký khai sinh	Hộ tịch	1.001193
2	Đăng ký kết hôn	Hộ tịch	1.000894
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	1.001022
4	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	1.000689

5	Đăng ký khai tử	Hộ tịch	1.000656
6	Đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch	1.003583
7	Đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch	1.000593
8	Đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch	1.000419
9	Đăng ký giám hộ	Hộ tịch	1.004837
10	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch	1.004845
11	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	Hộ tịch	1.004859
12	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	1.004873
13	Đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	1.004884
14	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	1.004772
15	Đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	1.004746
16	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch	1.005461
18	Liên thông: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú	Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Bảo trợ xã hội - Người có công	1.011733
19	Liên thông: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi	Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Quản lý thu, Sổ - thẻ	1.011592
20	Liên thông: Đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch - Quản lý thu, Sổ - thẻ	2.001023
21	Liên thông TTHC: Đăng ký khai tử, xóa thường trú, hỗ trợ mai táng phí	Hộ tịch – đăng ký thường trú – bảo trợ xã hội – người có công	1.011537
22	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	2.001263
23	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	2.001255
24	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực	2.000815



25	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	Chứng thực	2.001035
26	Chứng thực di chúc	Chứng thực	2.001019
27	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực	2.001016
28	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	2.001406
29	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	2.001009
30	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Chứng thực	2.000913
31	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Chứng thực	2.000927
32	Thủ tục công nhận hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật	2.000373
33	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật	2.000350
34	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Bồi thường nhà nước	2.002165
	Tổng: 34 TTHC		

C. DỊCH VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN

1	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Chứng thực	2.000884
	Tổng: 01 TTHC		

Tổng số TTHC: A+B+C = 8+34+1 = 43 TTHC

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH,
MỘT PHẦN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

(Kèm theo Thông báo số 33 /TB-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân phường)

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mã TTHC trên Cổng DVCQG
A. DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH			
1	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh cấp xã	Bảo trợ xã hội	1.001758
2	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng cấp xã	Bảo trợ xã hội	1.001776
3	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp xã	Bảo trợ xã hội	2.000477
	Tổng: 03 TTHC		
B. DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN			
1	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	Bảo trợ xã hội	2.000744
2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Bảo trợ xã hội	2.000282
3	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Bảo trợ xã hội	2.000286
4	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia	Người có công	1.004964
5	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc cấp xã	Bảo trợ xã hội	2.000777

6	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	Bảo trợ xã hội	1.001739
7	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Bảo trợ xã hội	1.011609
8	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Bảo trợ xã hội	1.011608
9	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Bảo trợ xã hội	1.011607
10	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Bảo trợ xã hội	1.011606
11	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trẻ em	1.004941
12	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Trẻ em	2.001944
13	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Trẻ em	2.001942
14	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Trẻ em	2.001947
15	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Trẻ em	1.004944
16	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Bảo trợ xã hội	2.000751
17	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh thành phố trực thuộc trung ương	Bảo trợ xã hội	1.001753
18	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội	1.001731

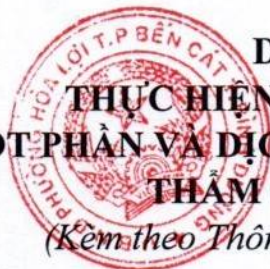
19	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh	Người có công	1.001257
20	Liên thông đăng ký khai tử-xóa đăng ký thường trú-trợ cấp mai táng-hỗ trợ chi phí mai táng trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Bảo trợ xã hội	1.011537
	Tổng: 20 TTHC		

C. DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN CUNG CẤP THÔNG TIN

1	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công	2.001157
2	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công	2.001396
3	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	Phòng, chống tệ nạn xã hội	1.000132
4	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	Phòng, chống tệ nạn xã hội	1.010941
5	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công	1.010833
6	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	1.001699
7	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	1.001653
8	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội	2.000355
9	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	2.001661
10	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	Bảo trợ xã hội	2.000744
11	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Người có công	2.002308
12	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Người có công	2.002307

	Tổng: 12 TTHC		
	Tổng số TTHC = A+B+C = 3+20+12 = 35 TTHC		





**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH,
MỘT PHÂN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

*(Kèm theo Thông báo số 33 /TB-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân phường)*

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mã TTHC trên Cổng DVCQG
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN CUNG CẤP THÔNG TIN			
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Giải quyết khiếu nại	2.002409
2	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	Giải quyết tố cáo	2.002396
3	Tiếp công dân tại cấp xã	Tiếp công dân	1.010945
4	Xử lý đơn tại cấp xã	Xử lý đơn thư	2.002501
5	Xác minh tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng	2.002401
6	Kê khai tài sản ,thu nhập	Phòng, chống tham nhũng	2.002400
7	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	Phòng, chống tham nhũng	2.002402
8	Thực hiện việc giải trình	Phòng, chống tham nhũng	2.002403
	Tổng: 08 TTHC		



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH,
MỘT PHẦN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Thông báo số 33 /TB-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân phường)

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mã TTHC trên Cổng DVCQG
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH			
1	Thủ tục cấp mới sổ nhà đối với hình thức đơn lẻ	Nhà ở và công sở	3.000162
2	Thủ tục cấp lại, chỉnh sửa sổ nhà	Nhà ở và công sở	1.009313
3	Thủ tục hành chính cung cấp thông tin quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	1.008456
	Tổng: 03 TTHC		

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH,
MỘT PHẦN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

(Kèm theo Thông báo số 33 /TB-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân phường)

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mã TTHC trên Cổng DVCQG
A. DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH			
1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Trồng trọt	1.008004
2	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	Phòng, chống thiên tai	2.002163
3	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	Phòng, chống thiên tai	2.002161
4	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	Phòng, chống thiên tai	2.002162
5	Hỗ trợ khám chữa bệnh , trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế , bảo hiểm xã hội	Phòng, chống thiên tai	1.010091
6	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.	Phòng, chống thiên tai	1.010092
7	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm	1.005412
8	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Bảo hiểm	1.003596
	Tổng: 08 TTHC		
B. DỊCH VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN			
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Quản lý chất lượng nông	2.001621

2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Lâm sản và thủy sản	1.003446
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Lĩnh vực Thủy lợi	1.003440
	Tổng: 03 TTHC		
	Tổng số TTHC: A + B = 8+3 = 11 TTHC		



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH,
MỘT PHẦN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

(Kèm theo Thông báo số 33 /TB-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân phường)

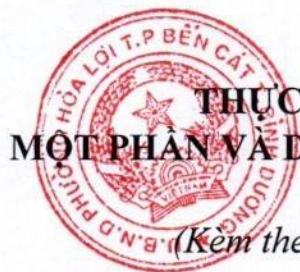
STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mã TTHC trên Cổng DVCQG
A. DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN			
1	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tôn giáo Chính phủ	1.001156
2	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Tôn giáo Chính phủ	1.001167
3	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	Tôn giáo Chính phủ	1.001078
4	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	Tôn giáo Chính phủ	1.001085
5	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	Tôn giáo Chính phủ	1.001109
6	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	Tôn giáo Chính phủ	1.001098
7	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tôn giáo Chính phủ	1.001090
8	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tôn giáo Chính phủ	1.001055
9	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Tôn giáo Chính phủ	2.000509
10	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	Tôn giáo Chính phủ	1.001028
	Tổng TTHC: 10 TTHC		

B. DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN CUNG CẤP THÔNG TIN

1	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho cá nhân, tập thể theo công trạng	Thi đua - Khen thưởng	1.012373
2	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề	Thi đua - Khen thưởng	1.012374
3	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	Thi đua - Khen thưởng	1.012376
4	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho hộ gia đình	Thi đua - Khen thưởng	1.072378
5	Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	Thi đua - Khen thưởng	1.012379
	Tổng TTHC: 5		

Tổng số TTHC: $A+B = 10+5 = 15$ TTHC





**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH,
MỘT PHÂN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

(Kèm theo Thông báo số 33 /TB-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân phường)

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mã TTHC trên Cổng DVCQG
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH			
1	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	Các cơ sở giáo dục khác	1.004492
2	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	Các cơ sở giáo dục khác	1.004485
3	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	Các cơ sở giáo dục khác	1.004441
4	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	Các cơ sở giáo dục khác	1.004443
5	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	Các cơ sở giáo dục khác	2.001810
Tổng: 05 TTHC			



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH,
MỘT PHẦN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

(Kèm theo Thông báo số 33 /TB-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân phường)

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mã TTHC trên Cổng DVCQG
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN			
1	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Đường thủy nội địa	1.004088
2	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Đường thủy nội địa	1.004047
3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Đường thủy nội địa	1.004036
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Đường thủy nội địa	2.001711
5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	1.004002
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	1.003970
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Đường thủy nội địa	1.006391
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	1.003930
9	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	2.001659
10	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Đường thủy nội địa	1.005040
Tổng: 10 TTHC			



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH,
MỘT PHẦN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Thông báo số 33 /TB-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân phường)

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mã TTHC trên Cổng DVCQG
A. DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH			
1	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Môi trường	1.008603
	Tổng: 01 TTHC		
B. DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN			
III. THẨM QUYỀN CẤP XÃ			
1	Thủ tục Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Môi trường	1.010736
2	Thủ tục Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Môi trường	1.004082
3	Hòa giải tranh chấp đất đai (cấp xã)	Đất đai	1.003554
	Tổng: 3 TTHC		
	Tổng số TTHC: A+B = 1+3 = 4		



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH, MỘT PHẢN VÀ DỊCH VỤ
CUNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
UBND CẤP XÃ**

(Kèm theo Thông báo số 33 /TB-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân phường)

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mã TTHC trên Cổng DVCQG
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH			
THẨM QUYỀN CẤP XÃ			
1	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Lĩnh vực Dân tộc	1.004875
2	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Lĩnh vực Dân tộc	1.004888
Tổng 02 TTHC			